

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 373/2022/DS-PT
Ngày: 09-12-2022
“V/v xác định tài sản để thi hành
án”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Nhữn.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Bích Tuyền
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 452/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc “ xác định tài sản để thi hành án”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 511/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 212, đường C, khu phố M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trương Trần Ngọc D, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 16, đường N, Khu phố 3, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1.
2. NLQ2.
3. NLQ3.
4. NLQ4.

5. NLQ5.

6. NLQ6.

- *Người kháng cáo:* NLQ1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu đề ngày 13/5/2021 và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N thể hiện như sau: yêu cầu xác định $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản gồm thửa đất số 97 tờ bản đồ số 3, tổng diện tích 934,3m² mục đích sử dụng của thửa đất: Đất ở đô thị, địa chỉ thửa đất tại thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An và 01 căn nhà được xây dựng trên đất có diện tích xây dựng 151,23m², nhà cấp 4 là của bà Trương Trần Ngọc D để thi hành án.

Lý do khởi kiện được bà N trình bày: Năm 2019, bà khởi kiện bà D về tiền vay. Tại Bản án số 53/2019/DS-ST ngày 25/11/2019, đã tuyên buộc bà D phải trả cho bà số tiền 84.500.000 đồng vốn vay và 2.056.000 đồng tiền lãi. Khi Bản án có hiệu lực pháp luật bà đã làm đơn yêu cầu thi hành và cơ quan thi hành đã có Quyết định thi hành. Bà biết bà D và NLQ1 cùng quản lý, sử dụng lô đất thổ cư diện tích 934,3m² thửa đất số 97 tờ bản đồ số 3, mục đích sử dụng: Đất ở đô thị, địa chỉ thửa đất tại thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An và 01 căn nhà được xây dựng trên đất có diện tích xây dựng 151,23m², nhà cấp 4. Tuy nhiên, bà D không thực hiện việc trả nợ theo Bản án của Tòa án và quyết định thi hành, bà D và NLQ1 cũng không thực hiện việc thỏa thuận phân chia tài sản theo thông báo số 60/TB-THADS ngày 18/11/2020 về việc xác định, phân chia, xử lý tài sản chung. Ngày 07/4/2020, NLQ4 có thông báo số 190/TB-THADS thông báo cho bà và các bên được thi hành án gồm: NLQ5, NLQ6 có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án là bà D theo thủ tục tố tụng trong khối tài sản chung là quyền sử dụng (sau đây viết tắt là QSD) đất và căn nhà xây dựng trên thửa đất nêu trên nên bà gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về ý kiến và trình bày của bà D: Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà N, các khoản nợ trên khi nào có điều kiện bà sẽ trả, bà đang làm thủ tục để được hưởng lương hưu. Tài sản đang tranh chấp là tài sản riêng của NLQ1 do mẹ NLQ1 cho tiền để mua và cũng có trước khi kết hôn với NLQ1. Từ khi nhận chuyển nhượng đất đến nay, bà và NLQ1 cùng hai con NLQ2, NLQ3 sinh sống trên nhà và đất nêu trên. Các con còn nhỏ, đang đi học nên không có đóng góp gì đối với tài sản.

- Về ý kiến và trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Thông báo, Quyết định cho các ông, bà nhưng các ông, bà đều vắng mặt và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến gửi đến Tòa án nên không ghi nhận được lời trình bày.

- Về ý kiến của NLQ4: Không có yêu cầu trong vụ án, đề nghị Tòa án xét

xử vắng mặt và tại văn bản số 471/CV-CCTHADS ngày 08/7/2021 cùng tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện các nội dung như sau:

Bà Trương Trần Ngọc D phải nộp tổng số tiền án phí 10.238.000 đồng và trả cho NLQ6 là 58.704.079 đồng tiền vốn vay và lãi; trả NLQ5 là 59.506.645 đồng vốn vay tiền lãi; trả cho bà Nguyễn Thị Hồng N 86.556.000 đồng vốn vay và tiền lãi. Ngoài ra, bà Trương Trần Ngọc D còn phải thanh toán cho NLQ5, NLQ6 tiền lãi của số tiền vốn vay cho đến khi thanh toán hết số nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết, trả cho bà N lãi chậm thi hành án theo quy định.

Qua quá trình thi hành án NLQ4 được biết bà Trương Trần Ngọc D và chồng là NLQ1 đang sử dụng thửa đất số 97 tờ bản đồ số 3, tổng diện tích 934,3m², mục đích sử dụng của các thửa đất: Đất ở đô thị, địa chỉ thửa đất tại thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Nhưng do chỉ có bà Trương Trần Ngọc D phải thi hành các nghĩa vụ phải thi hành án nêu trên. NLQ4 đã ra Thông báo số 60/TB-THADS ngày 18/11/2020 về việc xác định, phân chia, xử lý tài sản chung và thông báo số 190/TB-THADS ngày 07/4/2021 về việc yêu cầu Tòa án xác định, phân chia, xử lý tài sản chung.

- Về ý kiến và trình bày của NLQ5: Thống nhất với yêu cầu của bà N về việc xác định $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản gồm thửa đất số 97 tờ bản đồ số 3 và 01 căn nhà được xây dựng trên đất có diện tích xây dựng 151,23m², nhà cấp 4 là của bà Trương Trần Ngọc D. Theo Bản án số 08/2019/DS-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã tuyên buộc bà D phải trả cho NLQ5 là 54.500.380 đồng vốn vay và 5.006.866 đồng tiền lãi nhưng đến nay cũng chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào.

- Về ý kiến và trình bày NLQ6: Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bản án số 50/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã tuyên buộc bà D phải trả cho NLQ6 là 50.000.000 đồng vốn vay và 58.704.079 đồng tiền lãi nhưng đến nay chưa thanh toán được khoản tiền nào.

- Về các nội dung khác mà Tòa án đã xác minh thu thập từ các cơ quan chuyên môn:

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Vĩnh Hưng: Toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất liên quan thửa đất số 97 tờ bản đồ số 3, tổng diện tích 934,3m² mục đích sử dụng của thửa đất: Đất ở đô thị, địa chỉ thửa đất tại thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An và 01 căn nhà được xây dựng trên đất có diện tích xây dựng 151,23m², nhà cấp 4. Theo Công văn số 442/CNVPĐKĐĐ-KTTLT ngày 18/8/2021 và Công văn số 622/CNVPĐKĐĐ-KTTLT ngày 22/12/2021 xác định từ khi cấp giấy chứng nhận QSD đất năm 2014 đến nay, NLQ1 và bà D không có liên hệ để đo đạc đối với thửa đất nêu trên và không có biến động về diện tích đất.

Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Hưng: Theo Công văn trả lời số 276/UBND-CV ngày 12/4/2022 thì bà D và NLQ1 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Vĩnh Hưng huyện Vĩnh Hưng tỉnh Long An ngày 30/12/2002 và 15/9/2017. Trong hộ khẩu của hộ NLQ1 gồm có NLQ1 là chủ hộ và vợ là bà D, con là NLQ2 và NLQ3. Từ trước đến nay thửa đất của NLQ1, bà D với các hộ liên kề không có phát sinh tranh chấp.

Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Vĩnh Hưng: Toàn bộ hồ sơ xây dựng có liên quan đến đất và nhà nêu trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 14 tháng 07 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An đã quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 14 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ các điều 33, 34, 38 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 3, Điều 97 Luật Đất đai; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N về việc yêu cầu xác định tài sản để thi hành án đối với bà Trương Trần Ngọc D. Xác định 1/2 giá trị của tài sản được nêu dưới đây là của bà Trương Trần Ngọc D, cụ thể:

Thửa đất số 97, tờ bản đồ số 03, diện tích 934,3 m² và căn nhà cấp 4 được xây dựng trên đất có diện tích xây dựng 151,23 m², diện tích sàn 151,23 m² tọa lạc tại số 16, đường Nhật Tảo, khu phố 3, thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, được UBND huyện Vĩnh Hưng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 411474 cấp ngày 23/10/2017 cho NLQ1 và bà Trương Trần Ngọc D.

Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Trương Trần Ngọc D phải chịu 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Hồng N đã nộp xong nên bà Trương Trần Ngọc D có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng N 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng.

Về án phí: Bà Trương Trần Ngọc D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Hồng N 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002953 ngày 28/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Ngày 01/8/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên, đề nghị tòa phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như trình bày ở cấp sơ thẩm.

NLQ1 trình bày cho rằng: Nguồn gốc tài sản là của mẹ ruột cho NLQ1, có sự chứng kiến của anh ruột là ông Lương Văn T, NLQ1 mua đất và cất nhà năm 2014. NLQ1 hoàn toàn không biết và không liên quan gì đến việc xác định tài sản để thi hành án của khoản nợ giữa bà D và bà N vì đây là tiền nợ hụi được bà N hướng dẫn bà D viết giấy nợ hụi chuyển thành nợ tiền vay.

Bà N trình bày tài sản bà yêu cầu thi hành án là tài sản chung của NLQ1 và bà D nên không đồng ý kháng cáo.

Bà D trình bày tài sản mà nguyên đơn yêu cầu là tài sản riêng của NLQ1 được mẹ NLQ1 cho nên đồng ý kháng cáo của NLQ1.

Bà H đại diện NLQ5 không đồng ý kháng cáo của NLQ1.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. NLQ1 kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Bà D và NLQ1 có đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2002, ngày 22/8/2017 được Tòa án giải quyết bằng quyết định công nhận thuận tình ly hôn, nhưng đến ngày 15/9/2017 NLQ1 và bà đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng; tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn bà D và NLQ1 không có chia tài sản.

Về đối tượng tranh chấp là thửa đất số 97 theo hồ sơ thể hiện NLQ1 mua năm 2014, NLQ1 và bà D nhận chuyển nhượng đất theo hợp đồng chuyển nhượng QSD đất với bà Phạm Thị Thu B và ông Cao Phan H1, được cấp giấy chứng nhận QSD đất số phát hành BV 716852 ngày 23/9/2014. Đây là thời gian mà quan hệ hôn nhân giữa bà D và NLQ1 đang tồn tại nên căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình xác định quyền sử dụng đất phát sinh thời điểm này là tài sản chung của vợ chồng NLQ1 và bà D. Mặt khác theo lời trình bày của bà D thì bà D sinh sống trên thửa đất và căn nhà cấp 4 với NLQ1 từ khi mua đất cất nhà cho đến nay. Như vậy, giữa bà D và NLQ1 có mối quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2002, dù có thời gian ly hôn nhưng không có chia tài sản và có đăng ký kết hôn

lại. Từ đó án sơ thẩm xác định diện tích đất thửa 97 là tài sản của NLQ1 và bà D là phù hợp.

Về nguyên tắc tài sản chung của vợ chồng thì mỗi người sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích 934,3m² thuộc thửa 97. Đối với căn nhà trên đất thì đơn kháng cáo của NLQ1 cũng xác định nhà cất từ lúc mua đất cho nên án sơ thẩm xác định $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và $\frac{1}{2}$ giá trị đất thuộc quyền sở hữu của bà D là phù hợp. NLQ1 kháng cáo nhưng không có cung cấp chứng cứ gì mới nên không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của NLQ1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] NLQ1 kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: NLQ4, NLQ6 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc xem xét yêu cầu kháng cáo của NLQ1.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của NLQ1 yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[4] Xét kháng cáo thấy rằng: Yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng N về việc xác định tài sản của bà D trong khối tài sản chung để thi hành án. Án sơ thẩm nhận định và đánh giá chứng cứ thửa đất số 97 NLQ1 mua năm 2014, NLQ1 và bà D cùng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thời gian này quan hệ hôn nhân giữa bà D và NLQ1 đang tồn tại. Mặt khác, bà D cũng xác định bà D sinh sống trên thửa đất và căn nhà cấp 4 với NLQ1 từ khi mua đất xây nhà cho đến nay. NLQ1 và bà D có đăng ký kết hôn vào năm 2002, dù có thời gian ly hôn nhưng không có chia tài sản và có đăng ký kết hôn lại. NLQ1 và bà D tạo lập quyền sử dụng thửa đất 97 và công sức tôn tạo như nhau nên xác định mỗi người được $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản. Từ đó án sơ thẩm xác định diện tích đất thửa 97 và nhà trên thửa đất trên là tài sản của NLQ1 và bà D nên xem xét mỗi người được $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là phù hợp. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của NLQ1, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lương Văn Ý phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của NLQ1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Căn cứ vào khoản 14 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166,

Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ các điều 33, 34, 38 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 3, Điều 97 Luật Đất đai; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N về việc yêu cầu xác định tài sản để thi hành án đối với bà Trương Trần Ngọc D. Xác định $\frac{1}{2}$ giá trị của tài sản được nêu dưới đây là của bà Trương Trần Ngọc D, cụ thể:

Thửa đất số 97, tờ bản đồ số 03, diện tích 934,3 m² và căn nhà cấp 4 được xây dựng trên đất có diện tích xây dựng 151,23 m², diện tích sàn 151,23 m² tọa lạc tại Số 16, đường Nhật Tảo, Khu phố 3, thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, được UBND huyện Vĩnh Hưng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 411474 cấp ngày 23/10/2017 cho NLQ1 và bà Trương Trần Ngọc D.

2. Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Trương Trần Ngọc D phải chịu 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Hồng N đã nộp xong nên bà Trương Trần Ngọc D có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng N 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Trần Ngọc D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Hồng N 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002953 ngày 28/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: NLQ1 phải chịu 300.000 đồng, do NLQ1 đã có nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu

số 0003743 ngày 04/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, nên số tiền trên được chuyển sang án phí.

5. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Nhữn